TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2020
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lý Thuý Hà** và ông **Hà Hữu Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 09/01/2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Ma Thị T,** sinh năm 1978;

ĐKHKTT: Số nhà 79, tổ 7, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 578, đường T, tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: cán bộ … tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

** Bị đơn:* Anh **Đặng L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 370, tổ 4, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: cán bộ nghỉ hưu; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:*

Chị và anh Đặng L đăng ký kết hôn ngày 04/10/2014 tại UBND phường T, thành phố T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 4, phường H, thành phố Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi chị T sinh con, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay xô sát, cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đến tháng 7 năm 2018 vợ chồng sống ly thân, chị T và con đã thuê nhà ra ngoài ở, hiện nay chị T chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ chị T ở tổ 17, phường T, thành phố T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không

thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đặng L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, tên là Đặng V, sinh ngày 28/10/2015, hiện cháu V đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đặng L trình bày:*

Anh và chị Ma Thị T đăng ký kết hôn ngày 04/10/2014 tại UBND phường T, thành phố T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 4, phường H, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm quan điểm sống, không thể hoà hợp, đến tháng 7 năm 2018 chị T bỏ ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, anh L nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung, tên là Đặng V, sinh ngày 28/10/2015, hiện cháu V đang ở với chị T, thỉnh thoảng cháu V về ở với anh. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con, vì hiện nay chị T và cháu V đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị T, bố mẹ chị T đã già yếu, trong gia đình còn có em trai bị bệnh trầm cảm, thỉnh thoảng nóng giận, không kiểm chế được bản thân nên sống trong môi trường như vậy không an toàn. Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Đặng L xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nên thuận tình ly hôn; về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết; về con chung: Chị T và anh L không thoả thuận được, anh chị đều có nguyện vọng xin nuôi con sau ly hôn và đề nghị Toà án giải quyết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện:*

Chị Ma Thị T và anh Đặng L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2014. Sau khi kết hôn, Chị T và anh L sống tại tổ 4, phường H, thành phố T. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn, hiện nay chị T và anh L đã sống ly thân, mỗi người cư trú một nơi. Vợ chồng anh chị có 01 con chung hiện nay đang ở với chị T. Chị T và anh L không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng L, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị

cũng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng L cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị T và đề nghị HĐXX giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Về con chung, anh L vẫn giữ ý kiến về việc đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn, anh cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28; 39; 147; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T và anh Đặng L.

Về con chung: Xử giao cháu Đặng V, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Ma Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu). Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị T và anh Đặng L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ma Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Ma Thị T và anh Đặng L đều cư trú tại thành phố Tuyên Quang. Chị T và anh L đăng ký kết hôn năm 2014, đến ngày 26/11/2019, chị T nộp đơn khởi kiện tại Toà án yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn và nuôi con. Căn cứ Điều 28; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ma Thị T và anh Đặng L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày

04/10/2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh L sống tại tổ 4, phường H, thành phố Tuyên Quang. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay, chị T và con chung (cháu V) không sống chung cùng anh L nữa, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Chi T và anh L đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, chị T và anh L đều đề nghị thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Ma Thị T và anh Đặng L có 01 con chung là Đặng V, sinh ngày 28/10/2015. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị T. Chị T và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn và đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, ..."* và Khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...".* Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại cũng như sau ly hôn, chị T và anh L đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Song, xét thấy hiện nay cháu V đang sống cùng chị T, chị T có đủ điều kiện về thu nhập, chỗ ở cũng như điều kiện về tinh thần để cháu V có môi trường tốt để phát triển. Mặt khác, hiện nay anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con riêng (cháu Đặng Thị H, sinh năm 2004, hiện cháu đang học lớp 10), lý do anh L đưa ra để được nuôi con là em trai chị T ở cùng nhà bị bệnh trầm cảm nên không an toàn cho con anh. Kết quả thu thập chứng cứ xác định chị T có em trai là Ma B bị bệnh trầm cảm thể nhẹ, không nằm trong diện khuyết tật được trợ giúp ở địa phương, anh B vẫn tự sinh hoạt cho bản thân và chưa có biểu hiện gây gổ, đánh nhau với ai. Như vậy, lý do anh L đưa ra là không có căn cứ chấp nhận. Hiện nay, cháu Đặng V đang học trường mầm non P, thành phố T, từ khi anh L và chị T sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Để tránh xáo trộn về tâm lý và điều kiện học tập của con trẻ, HĐXX thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn là hợp lý nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ma Thị T và anh Đặng L xác định không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Ma Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đặng L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 28; 39; 147; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị T và anh Đặng L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đặng V, sinh ngày 28/10/2015 cho chị Ma Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu).

Anh Đặng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị T và anh Đặng L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu. 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000216 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Đặng L không phải chịu án phí.

Chị Ma Thị T và anh Đặng L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Hà, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hương Giang